

Số: 103/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 17 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 181/2026/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn K1, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Trần Đức D, sinh ngày 09/4/2009;

+ Cháu Trần Mai L, sinh ngày 24/4/2019;

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật của cháu D và cháu L: Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn K1 là bố mẹ đẻ của các cháu.

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí, lệ phí;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09/4/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn K1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn K1 thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn K1 xác định, vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Trần Đức D, sinh ngày 09/4/2009 và cháu Trần Mai L, sinh ngày 24/4/2019. Ly hôn, chị K và anh K1 thỏa thuận thống nhất, giao cả hai cháu D và cháu L cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 4/2026 cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi. Chị K và anh K1 thỏa thuận, anh K1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K. Sau khi ly hôn, anh Trần Văn K1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

Về quyền lợi của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn K1 xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn K1 thỏa thuận thống nhất, chị K tự nguyện nhận chịu toàn bộ 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/26E/0001521 ngày 30/3/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hưng Yên. Chị K đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn. Hoàn trả chị Nguyễn Thị K 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hưng Yên;
- UBND xã Q, GCNKH số 13/2008;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền